TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2025
V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa anh N và chị N1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế, bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án do Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành chưa sáp nhập thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16/4/2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 04/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Anh N, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố M, phường S, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố N2, phường S, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là anh Phạm Anh N trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thúy N1 ngày 06/12/2008, có được tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T (nay là phường S, tỉnh Bắc Ninh). Cưới xong vợ chồng sinh sống và thuê trọ ở Hà Nội để tiện công việc.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã vì những vấn đề nhỏ trong gia đình. Anh và chị N1 thường cãi nhau về cách nuôi dạy, giáo dục con cái. Anh muốn đầu tư làm ăn nhưng chị N1 không đồng ý, vợ chồng không chung quan điểm về kinh tế, công việc. Anh và chị N1 đã nhiều lần ngồi lại để nói chuyện, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thống nhất được. Năm 2022 vợ chồng chuyển về tổ dân phố M, phường H, thị xã T (nay là tổ dân phố M, phường S, tỉnh Bắc Ninh) sinh sống, nhưng

tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị N1 đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại N2, S, T, Bắc Ninh (nay là N2, S, Bắc Ninh) sinh sống từ tháng 4/2022, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chị N1 về nhà đẻ anh không gọi chị N1 về sống chung, hai bên cắt đứt mọi liên lạc. Anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị N1 được vì vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị được ly hôn chị N1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đình P, sinh ngày 13/4/2010 và Phạm Quỳnh V, sinh ngày 11/11/2012. Hiện nay 02 con đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng.

Hiện nay anh đang làm Quản lý tại Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy AMA Hưng Yên. Thu nhập hàng tháng từ 20 đến 30 triệu nên có có đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh trình bày không có.

Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị Thúy N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã kết hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà chị N1 để lấy lời khai, nhưng chị N1 đi làm ăn không có nhà, do vậy Tòa án không lấy lời khai của chị N1 được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, không đến Toà án làm việc, không có mặt theo giấy triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị N1 đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh N được ly hôn chị N1.

- Về con chung: Đề nghị giao cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Phạm Đình P, sinh ngày 13/4/2010 và Phạm Quỳnh V, sinh ngày 11/11/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Anh N xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy N1, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình và Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành chưa sáp nhập đã thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, điều 28; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh Phạm Anh N kết hôn chị Nguyễn Thị Thúy N1 ngày 06/12/2008, đã tuân đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã về những việc trong gia đình, về cách nuôi dạy giáo dục con cái, về việc làm ăn kinh tế, về công việc. Chị N1 đã bỏ về nhà đẻ từ tháng 4/2022, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị N1.

Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị N1, nhưng chị N1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Việc chị N1 vắng mặt được coi là trường hợp cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N, chị N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N, xử cho anh N được ly hôn với chị N1.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Đình P, sinh ngày 13/4/2010 và Phạm Quỳnh V, sinh ngày 11/11/2012, hiện các con đang sống với anh N. Khi ly hôn anh N đề nghị được nuôi cả 02 con chung. Xét thấy hiện nay anh N vẫn nuôi 02 con chung, các cháu vẫn mạnh khỏe và phát triển tốt. Hai cháu P và cháu V đều có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo mọi quyền lợi cho con và tránh sự xáo trộn, nghĩ cần giữ nguyên như hiện nay. Giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không xem xét.

Tại phiên tòa anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét yêu cầu của anh là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận. Chị N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ điều 235, 264, 266, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Anh N được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy N1.

2. Về con chung: Giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Phạm Đình P, sinh ngày 13/4/2010 và Phạm Quỳnh V, sinh ngày 11/11/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có.

4. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001725, ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành chưa sáp nhập). Anh N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trần Ngọc Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND khu vực 9-BN.
- THADS khu vực 9-BN.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.